

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HSST

Ngày: 07-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Tạ Văn Khách**

Ông Nguyễn Sỹ Luận

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Lê Thanh Phong** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2021/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Điểu M**, Tên gọi khác: M

Sinh năm 1996 tại Bình Phước.

HKTT và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: làm nông

Trình độ văn hóa: 2/12

Quốc tịch Việt N; Dân tộc: S' Tiêng; Tôn giáo: Tin Lành

Con ông Điểu X, sinh năm 1964 và bà Điểu Thị Y, sinh năm 1969

Vợ, con: Chưa có

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 10/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 10/2020/HS-ST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/12/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 22/6/2021 đến ngày 24/8/2021 thì được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Điêu L**, Tên gọi khác: Không

Sinh năm 2001 tại Bình Phước.

HKTT và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: Làm nông

Trình độ văn hóa: 0/12

Quốc tịch Việt N; Dân tộc: S' Tiêng; Tôn giáo: Tin Lành

Con ông Điêu Đắc (đã chết) và bà Thị N, sinh năm 1970

Vợ: Thị C, sinh năm 2003, con: Có 01 con sinh tháng 12/2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 22/6/2021 đến ngày 28/8/2021 thì được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Điêu T**, Tên gọi khác: Không

Sinh năm 1997 tại Bình Phước.

HKTT và chỗ ở: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: làm nông

Trình độ văn hóa: 3/12

Quốc tịch Việt N; Dân tộc: S' Tiêng; Tôn giáo: Tin Lành

Con ông Điêu Đ (đã chết) và bà Thị N – sinh năm 1970

Vợ: Thị N – sinh năm 1999, con: 02, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 22/6/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện P. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Đặng Thái H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung T trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Phước. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Thị N, sinh năm 1970. Có mặt.

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Điêu M, Điêu T và Điêu L là anh em họ hàng với nhau, đều nghiện ma túy, cùng cư trú tại thôn P, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng.

Sáng ngày 22/06/2021, khi đi cạo mủ cao su chung thì Điêu T, Điêu L và Điêu M cùng bàn bạc thống nhất với nhau là sẽ góp tiền đi mua ma túy về sử

dụng. Sau khi trút mủ về nhà thì T đưa cho L 50.000 đồng để góp mua ma túy rồi đi ngủ trưa.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, M đến nhà L thì L đưa cho M số tiền 100.000 đồng (trong đó có 50.000 đồng của T góp, còn 50.000 đồng là của L), M góp thêm 100.000 đồng nữa để đi mua ma túy về sử dụng. Điều L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 93P2-390.69 chở Điều M đi ra khu vực lô cao su phía sau Trung Tâm thương mại xã P gặp và mua ma túy của một đối tượng N (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 200.000 đồng thì N đưa cho M 01 bọc nylon hàn kín chứa ma túy. Điều M cầm gói ma túy trong tay rồi lên xe mô tô do L điều khiển đi về nhà để cùng nhau sử dụng ma túy. Khi đi đến khu vực cầu P thuộc thôn P, xã P thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an huyện Phú Riềng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an tỉnh Bình Phước và Công an xã P đang phối hợp tuần tra phát hiện yêu cầu dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trong lòng bàn tay phải của Điều M cầm 01 bọc nylon hàn kín bốn mặt, bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy tổng hợp dạng đá.

Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Điều L và Điều M. Cùng ngày, CQĐT đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Điều T. Tại CQĐT, các bị cáo M, L và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định: Tại Bản kết luận giám định số 190/2021/GĐ-MT ngày 25/06/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,2448 gam (không thấy hai bốn bốn tám gam).

Tại Bản cáo trạng số 67/CT-VKSPR ngày 12/10/2021 đã truy tố các bị cáo tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo với mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Điều M từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Điều L mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Điều T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng của vụ án, kết luận giám định chất ma túy và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã xác định được: Do nghiện ma túy nên ngày 22/6/2021, các bị cáo Điều M, Điều L và Điều T đã cùng nhau góp tổng số tiền là 200.000 đồng rồi M và L đi mua ma túy về cùng T sử dụng. Khi M, L đang cất giấu ma túy trong người về đến Cầu P thuộc thôn P, xã Phú Riềng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Thu giữ số ma túy, qua giám định, chất ma túy trên là loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2448 gam (không phải hai bốn bốn tám gam).

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về cất giữ chất ma túy. Các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức về tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy sẽ gây ảnh hưởng rất xấu đối với sức khỏe con người và là nguyên nhân trực tiếp gây ra nhiều tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bị xử lý nghiêm trước pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi tàng trữ ma túy để sử dụng. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự cấu kết, bàn bạc trước với nhau. Để có cơ sở quyết định hình phạt, cần xem xét, đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau:

Bị cáo M là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo L và T góp tiền mua ma túy sử dụng, là người trực tiếp liên hệ và đi mua ma túy, trong số tiền 200.000 đồng các bị cáo cùng góp để mua ma túy thì bị cáo M góp nhiều nhất (100.000 đồng) nên bị cáo M là người có vai trò cao nhất trong vụ án và phải chịu hình phạt nghiêm khắc nhất. Bị cáo L trực tiếp điều khiển xe chở bị cáo M đi mua ma túy nên bị cáo M có vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo T chỉ góp tiền nhưng không tham gia đi mua ma túy cùng các bị cáo nên bị cáo T có vai trò thấp nhất

trong vụ án.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo L và M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo M: Ngày 10/7/2020, bị cáo bị TAND huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 10/2020/HSST. Ngày 08/12/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 22/6/2021, bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trong khi chưa được xóa án tích của bản án nêu trên. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc sinh sống tại địa bàn đặc biệt khó khăn; các bị cáo M và T có trình độ học vấn thấp, bị cáo L không biết chữ nên khó khăn trong việc nhận thức các quy định của pháp luật; các bị cáo L, T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo L và T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với người đàn ông tên N bán ma túy cho các bị cáo (chưa rõ nhân thân, lai lịch), Cơ quan Điều tra Công an huyện Phú Riềng tiếp tục xác M, làm rõ và xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với phong bì niêm phong chứa số ma túy hoàn lại sau giám định có khối lượng còn lại 0,2171 gam cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh – đen là tài sản của bị cáo Điều M. Ngày 22/6/2021, bị cáo M đã sử dụng điện thoại này để liên lạc mua ma túy về sử dụng nên cần tịch thu sung công quỹ.

Đối với xe mô tô biển số 93P1-390.69 đây là tài sản hợp pháp của bà Thị N (là mẹ của các bị cáo Điều L và Điều T). Ngày 22/6/2021, bà N không biết L sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy thì nên cần trả lại cho bà N.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Điều M, Điều L và Điều T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Điều M 20 (hai mươi)** tháng tù, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021 đến 24/8/2021, bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành hình phạt 17 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Điều L 15 (mười lăm)** tháng tù, được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021 đến 28/8/2021, bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành hình phạt 12 tháng 24 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Điều T 12 (mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 22/6/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong chứa số ma túy hoàn lại sau giám định có khối lượng còn lại 0,2171 gam;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh – đen;

Trả lại bà Thị N xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 93P2-390.69.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0011774 ngày 25/10/2021 giữa Công an huyện Phú Riềng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí: Buộc các bị cáo **Điều M, Điều L, Điều T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *Lưu.*

Đinh Thị Hải